

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM HỮU NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/PC-TPHN

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị

- Mã chứng khoán: HNF

- Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 02432151908 Fax:

- E-mail: thanhnh@huunghi.com.vn

2. Loại thông tin công bố : ☐ Định kỳ ☐ Bất thường ☒ 24h ☐ Theo yêu cầu

3. Nội dung thông tin công bố:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://www.huunghi.com.vn/tin-tuc?id=14>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Quyết định số' 2169/QĐ

- CTHN - TTKT4 - XPVĐKC ngày 18/01
năm 2021.



Số: 2469 /QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ quyết định số 98008/QĐ-CT-GQXP ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản thanh tra thuế lập ngày 07 tháng 01 năm 2021; Báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 92785/QĐ-CT-TKT4 ngày 22/10/2020 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc Thanh tra tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị;

Căn cứ Kết luận thanh tra thuế số 2469 /KL-CTHN-TTKT4 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội;

Tôi: NGUYỄN TIẾN TRƯỜNG - Chức vụ: Phó Cục Trưởng, Cục Thuế TP Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức vi phạm: **Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.**

Địa chỉ trụ sở chính: 0102109239.

Mã số thuế: 0102109239.

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102109239 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/05/2020.

Người đại diện theo pháp luật: Vũ Ba Lê - Giới tính: Nam.

Chức danh: Phó tổng giám đốc.

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

a. Hành vi vi phạm hành chính về thuế:

- Khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp nhưng người nộp thuế đã ghi chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP.

- Có hành vi hạch toán vào chi phí không hợp lý, hợp lệ theo quy định tại Điều 9, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ.

b. Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn: Không.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

- Điều 4, Điều 5, Điều 9 Chương II, Nghị định 209/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật thuế GTGT;

- Điều 8, Điều 9, Chương II, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật thuế TNDN;

- Điều 108 Chương XII Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội;

- Điều 3, Điều 15 Chương III, Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính Phủ, quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ;

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

a. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

b. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có): Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a. Hình thức xử phạt hành chính: Phạt bằng tiền 165.862.607 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm lẻ bảy đồng*).

Mức phạt cụ thể như sau:

a.1. Phạt vi phạm hành chính về thuế:

- Phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 do đã có hành vi ghi thiếu, ghi sai các chi tiêu trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế, số tiền: 2.100.000 đồng (*tiểu mục 4254*).

- Tiền phạt khai sai mức 20% trên số thuế tăng thêm qua thanh tra theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 138 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và Khoản 1, Khoản 2, Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ do có hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền: 163.762.607 đồng (*tiểu mục 4254*).

a.2. Phạt vi phạm hành chính về hóa đơn:

- Không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn đối với hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp theo quy định tại Khoản 2, Điều 136, Mục 1, Chương XV, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội.

b. Hình thức xử phạt bổ sung: Không

c. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

c.1. Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn vào ngân sách nhà nước, số tiền: 818.813.033 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm mười tám triệu, tám trăm mười ba nghìn, không trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó:

+ Thuế GTGT (*tiểu mục 1701*), số tiền 31.037.575 đồng (Năm 2019: 31.037.575 đồng) (*Bằng chữ: Ba mươi một triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

+ Thuế TNDN (tiểu mục 1052), số tiền 666.864.305 đồng (Năm 2018: 52.440.324 đồng, Năm 2019: 614.423.981 đồng) (Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm lẻ năm đồng).

+ Thuế TNCN (Tiểu mục 1001), số tiền 66.515.492 đồng (Năm 2018: 55.655.012 đồng, Năm 2019: 10.860.480 đồng) (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng).

+ Thuế nhà thầu, số tiền 54.395.661 đồng (Năm 2019: Thuế GTGT (tiểu mục 1701), số tiền: 5.156.787 đồng, thuế TNDN (tiểu mục 1502), số tiền: 49.238.874 đồng).

c.2. Tiền chậm nộp phải nộp NSNN: 82.658.188 đồng (Tiền chậm nộp thuế GTGT (Tiểu mục 4931), số tiền: 4.579.780 đồng; Tiền chậm nộp thuế TNDN (Tiểu mục 4918), số tiền: 66.340.277 đồng; Tiền chậm nộp thuế TNCN (tiểu mục 4917), số tiền: 11.738.131 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, một trăm tám mươi tám đồng).

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 07/01/2021. Yêu cầu Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 08/01/2021 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 1.067.333.828 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng).

c.3. Biện pháp khắc phục hậu quả khác: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2021

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Vũ Ba Lê là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trong thời hạn 10 ngày, Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số 7111 tại Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội (Cơ quan quản lý thu: Cục thuế TP Hà Nội).

Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của Pháp luật.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của Pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Trưởng các phòng: Phòng Thanh tra-Kiểm tra số 4; Phòng Kế khai và Kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế để tổ chức thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ, VT, TTKT4.

(7,4)



Nguyễn Tiến Trường